

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12-9-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Hữu Vĩnh

2. Ông Cao Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2018/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Minh L – Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Số B - tổ dân phố M - thị trấn M - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng.

(bà L có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Đức K – Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số B - tổ dân phố M - thị trấn M - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng.

(ông K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ghi ngày 12 tháng 12 năm 2018 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Minh L và ông Trần Đức K tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L – huyện T – tỉnh Bình Thuận vào ngày 03/12/2013 và có tổ chức đám cưới, vợ chồng về sống chung với bên nhà chồng. Hai vợ chồng chung sống với

nhau được hơn một năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K xúc phạm danh dự bà L, ông K không có trách nhiệm chăm lo cuộc sống vợ con, thường xuyên đi uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau. Bà L đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Từ tháng 10/2018 vợ chồng bà L, ông K chuyển về nhà bố mẹ đẻ bà L tại thị trấn M - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng sinh sống nhưng ông K vẫn không thay đổi tính tình. Từ tháng 12/2018 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân không ai quan tâm đến ai nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đức K.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Huỳnh Thị Minh L và ông Trần Đức K sinh được 01 con chung là Trần Minh H – sinh ngày 25/9/2013. Khi ly hôn bà Huỳnh Thị Minh L yêu cầu được nuôi 01 con chung là Trần Minh H – sinh ngày 25/9/2013 và bà Huỳnh Thị Minh Ly không yêu cầu ông Trần Đức K cấp dưỡng nuôi 01 con chung.

- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Minh L trình bày vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Minh L trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra bà Huỳnh Thị Minh L không trình bày hay yêu cầu gì khác.

* Bị đơn ông Trần Đức K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của bị đơn ông Trần Đức K.

Vụ án đã được Tòa án đưa ra hoà giải nhiều lần nhưng không tiến hành hoà giải được vì lý do vắng mặt bị đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng đã có bài phát biểu đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Bài phát biểu đã đánh giá Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đánh giá nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh L chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Trần Đức K không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự như không tham gia hoà giải, không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Minh L, cho bà Huỳnh Thị Minh L được ly hôn với ông Trần Đức K, về con chung đề nghị giao con chung là Trần Minh H – sinh ngày 25/9/2013 cho bà Huỳnh Thị Minh L nuôi dưỡng và ông Trần Đức K không phải cấp dưỡng nuôi con chung, về án phí bà Huỳnh Thị Minh L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trần Đức K, bị đơn có nơi cư trú tại số B - tổ dân phố M - thị trấn M - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trần Đức K là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị Minh L và ông Trần Đức K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L – huyện T – tỉnh Bình Thuận vào ngày 03/12/2013 vì vậy hôn nhân được xác lập giữa bà L và ông K là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà L trình bày vợ chồng chung sống với nhau được hơn một năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K xúc phạm danh dự bà L, ông K không có trách nhiệm chăm lo cuộc sống vợ con, thường xuyên đi uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau. Từ tháng 12/2018 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân không ai quan tâm đến ai nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đức K. Bị đơn ông Trần Đức K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng bị đơn không đến và cũng không cho biết ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ bị đơn đã không còn mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững. Căn cứ biên bản xác minh ngày 06/8/2019 của Tòa án tại Tổ trưởng tổ dân phố M – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng và biên bản xác minh ngày 06/8/2019 của Tòa án tại Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng về hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Minh L và ông Trần Đức K thì bà L và ông K có một thời gian sinh sống tại tổ dân phố M - thị trấn M - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng, vợ chồng bà L và ông K có xảy ra mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà L về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là đúng với thực tế.

Xét thấy hiện nay mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông K trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân giữa bà L và ông K không đạt được, vợ chồng không còn sống chung với nhau thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Minh

L, cho bà Huỳnh Thị Minh L được ly hôn với ông Trần Đức K là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Bà L trình bày trong quá trình chung sống bà L và ông Trần Đức K sinh được 01 con chung là Trần Minh H – sinh ngày 25/9/2013. Khi ly hôn nguyên đơn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung Trần Minh H – sinh ngày 25/9/2013.

Bản sao giấy khai sinh số 1422, quyển số 08/2013 ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân phường L – thành phố B – tỉnh Đồng Nai thể hiện họ tên Trần Minh H – ngày tháng năm sinh 25/9/2013, họ tên mẹ Huỳnh Thị Minh L - năm sinh 1989, họ tên cha Trần Đức K - năm sinh 1983, họ tên người đi khai sinh Trần Đức K, quan hệ với người được khai sinh cha. Con là Trần Minh H – sinh ngày 25/9/2013 sinh trước ngày đăng ký kết hôn ngày 03/12/2013 nhưng được bà L và ông K thừa nhận là con chung của bà L và ông K nên căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình xác định Trần Minh H – sinh ngày 25/9/2013 là con chung của bà Huỳnh Thị Minh L và ông Trần Đức K.

Xét thấy hiện nay con chung Trần Minh H đang ở với bà L vẫn phát triển tốt, con chung còn nhỏ nên cần bàn tay chăm sóc của người mẹ còn ông Trần Đức K không có ý kiến, nguyện vọng gì về con chung, hiện nay bà L có chỗ ở hợp pháp và có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con chung. Để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại hay tâm lý của con chung đồng thời để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là Trần Minh H – sinh ngày 25/9/2013 cho bà Huỳnh Thị Minh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Huỳnh Thị Minh L không yêu cầu ông Trần Đức K phải cấp dưỡng nuôi 01 con chung là Trần Minh H – sinh ngày 25/9/2013 nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng nuôi 01 con chung là Trần Minh H – sinh ngày 25/9/2013 là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Minh L trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Minh L trình bày vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Huỳnh Thị Minh L khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Minh L đối với ông Trần Đức K về việc tranh chấp ly hôn.

Cho bà Huỳnh Thị Minh L được ly hôn với ông Trần Đức K.

2. Về con chung:

Giao một con chung là Trần Minh H – sinh ngày 25/9/2013 cho bà Huỳnh Thị Minh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Ông Trần Đức K không phải cấp dưỡng nuôi con chung là Trần Minh H – sinh ngày 25/9/2013.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Minh L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Huỳnh Thị Minh L đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên liên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007697 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Huỳnh Thị Minh L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 12/9/2019); Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN
Đã ký**

Đinh Xuân Trường